



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

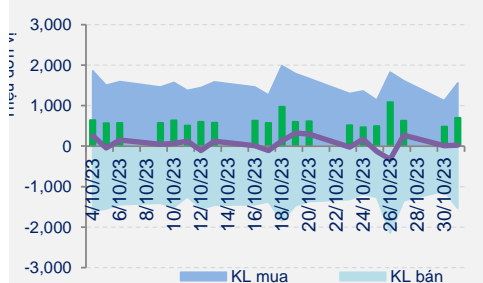
31/10/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

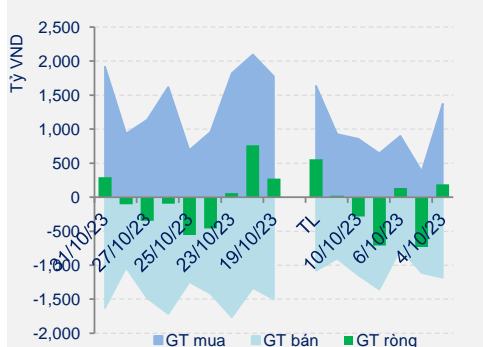
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,028.19	206.17
% Thay đổi	↓ -1.36%	↓ -2.45%
KLGD (CP)	697,602,207	110,553,260
GTGD (tỷ đồng)	14,860.36	1,914.39
Tổng cung (CP)	1,534,668,098	141,382,600
Tổng cầu (CP)	1,558,928,771	134,483,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	52,080,915	2,300,000
KL mua (CP)	69,903,312	4,035,860
GT mua (tỷ đồng)	1,918.48	100.00
GT bán (tỷ đồng)	1,626.81	34.36
GT ròng (tỷ đồng)	291.66	65.63

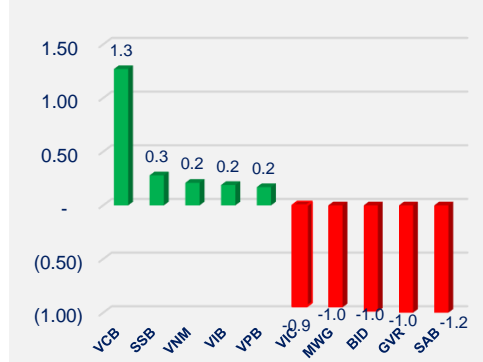
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Thị trường đã kết thúc tháng 10/2023 với phiên giao dịch giảm điểm mạnh, diễn biến tiêu cực áp đảo khi VN-INDEX giảm 14,21 điểm (-1,36%), thanh khoản giá tăng mạnh so với phiên trước thể hiện áp lực bán mạnh đột biến. Qua đó VN-INDEX kết thúc tháng 10/2023 giảm mạnh -10,91% so với tháng trước về mức 1.028,19 điểm, tiếp tục duy trì 02 tháng giảm điểm mạnh, VN-INDEX quay trở về vùng giá mở đầu năm 2023. Hai tháng giảm điểm mạnh lấy đi nỗ lực phục hồi tăng điểm trong 02 quý đầu năm 2023. HNX-INDEX kết thúc tháng 10/2023 giảm mạnh 12,73% về mức 206,77 điểm. Tâm lý tiêu cực, độ rộng trên 02 sàn niêm yết rất tiêu cực trong phiên cuối tháng 10 với áp lực bán áp đảo khi có 579 mã giảm giá (51 mã giảm sàn), 103 mã tăng giá (10 mã tăng trần) và 102 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 16.769,04 tỉ đồng được giao dịch, tăng 44,88% so với phiên trước, cho thấy áp lực bán gia tăng đột biến mạnh hơn ở nhiều mã, nhóm mã, có thể đến từ áp lực bán giải chấp. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch, mua ròng trở lại với giá trị 291,66 tỷ đồng trên HOSE, tập trung mua ròng ở nhóm thép, phân bón, khu công nghiệp, dầu khí, trong khi vẫn bán bán ròng mạnh ở nhóm bất động sản, bán lẻ; mua ròng trên HNX với giá trị 65,63 tỷ đồng.

Với diễn biến bán mạnh gia tăng, hầu hết các cổ phiếu tiếp tục đều có diễn biến tiêu cực. Trong đó nhóm cổ phiếu bán lẻ chịu áp lực bán mạnh đột biến ngay từ đầu phiên, cuối phiên đa số đều giảm mạnh hết biên độ, thanh khoản đột biến với MWG (-6,91%), DGW (-6,97%), PET (-6,86%).. ngoài MSN (+0,34%), FRT (+0,69%) tăng giá nhẹ.

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán sau phiên giao dịch chịu áp lực bán mạnh với thanh khoản thấp, tiếp tục giảm mạnh trong phiên hôm nay, thanh khoản đột biến hơn, đa số giảm hết biên độ như VCI (-6,99%), MBS (-6,98%), FTS (-6,90%), BSI (-6,74%), CTS (-6,73%), SSI (-6,36%)... ngoài TVS (+0,53%) tăng giá nhẹ.

Các cổ phiếu dầu khí cũng chịu áp lực bán mạnh bất chấp thông tin ngày 30/10/2023 Lễ ký kết và triển khai Chuỗi dự án điện khí Lô B Ô Môn đã diễn ra giữa Tập đoàn dầu khí PVN với các đối tác, nhiều mã giảm mạnh, thanh khoản đột biến như PVT (-6,79%), PVC (-6,72%), PVB (-6,67%), PVS (-5,71%), GSP (-5,02%)....

Trong khi đó nhóm cổ phiếu ngân hàng có diễn biến tích cực nhất, góp phần cải thiện mức giảm của chỉ số VN30 khi nhiều mã tăng giá, thanh khoản ở mức trung bình như VCB (+1,05%), SSB (+1,78%), VIB (+1,70%), OCB (+1,59%), LPB (+1,38%)... ngoài các mã giảm điểm thanh khoản dưới trung bình với PGB (-5,86%), KLB (-3,51%), EIB (-2,60%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2311 giảm 0,2 điểm (-0,02%), chênh lệch dương 0,32 điểm so với VN30, khối lượng giao tăng mạnh 24,31% so với phiên trước, trên mức trung bình, cho thấy hoạt động đầu cơ trong phiên gia tăng mạnh trở lại. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2312, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ 0,32 điểm đến -8,18 điểm, thể hiện các trader kỳ vọng VN30 sẽ hồi phục ngắn hạn, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở các kỳ hạn lớn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Thị trường tiếp tục giảm trong phiên cuối tháng 10 và đóng cửa Vn-Index giảm -14,21 điểm (-1.36%) xuống còn 1.028,19 điểm. Trong ngắn hạn, đà giảm của thị trường có thể vẫn còn tiếp diễn và ngưỡng hỗ trợ gần của Vn-Index là khu vực 1.015 điểm, xa hơn là quanh 1.000 điểm. Hiện tại thị trường đang trong trạng thái quá bán và có thể có các nhịp hồi phục kỹ thuật trong giai đoạn tới tuy nhiên rủi ro ngắn hạn là khá cao và các nhịp hồi kỹ thuật thường kết thúc bất ngờ khó dự báo.

Về góc nhìn trung hạn, với việc VnIndex thủng hỗ trợ 1.150 điểm và 1.135 điểm lần thứ 2 và hồi phục yếu xác nhận xu hướng uptrend của thị trường đã kết thúc, thị trường cần vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, do biên độ dao động rộng nên thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Điểm số VnIndex đang trở lại khu vực tích lũy trung hạn 1.000 điểm – 1.100 điểm và rất có khả năng thị trường sẽ tích lũy lại quanh khu vực này một lần nữa.

Báo cáo của Tổng cục Thống kê gần đây cho thấy kinh tế trong nước tiếp tục đà phục hồi trên nhiều lĩnh vực. Thống kê kết quả kinh doanh Q3 của 951/1.609 ngân hàng và doanh nghiệp niêm yết (đại diện 92,5% tổng giá trị vốn hóa trên cả 3 sàn) do Fiingroup mới công bố cũng cho thấy tín hiệu tích cực khi tổng LNST Q3-2023 tăng +0,3% so với cùng kỳ, quý đầu tiên tăng trưởng sau khi giảm mạnh 3 quý liên tiếp trước đó. Tuy vậy những bất ổn địa chính trị bên ngoài gia tăng, mặt bằng lãi suất toàn cầu vẫn duy trì ở mức cao, nguy cơ suy thoái kinh tế tại nhiều quốc gia vẫn hiện hữu. Trong nước tăng trưởng tín dụng thấp cho thấy khả năng hấp thụ vốn của các doanh nghiệp thấp, thị trường BĐS và đặc biệt là thị trường trái phiếu vẫn còn khó khăn. Với tình trạng hiện tại, việc thị trường hình thành khu vực tích lũy để chờ cơ hội hình thành uptrend mới là động thái vận động phù hợp.

Vn-Index vẫn còn rủi ro tiếp tục giảm điểm về các ngưỡng hỗ trợ tiếp theo nhưng cũng có thể phục hồi kỹ thuật trong các phiên tới. Nhà đầu tư ngắn hạn nên đứng ngoài quan sát diễn biến thị trường và tranh thủ các nhịp hồi phục để hạ tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục nếu đang nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao. Với nhà đầu tư trung, dài hạn thì thị trường vẫn đã được xác nhận là qua đáy downtrend tại 950 điểm mặc dù hiện tại xu hướng uptrend kết thúc nhưng khả năng cao thị trường sẽ đi vào vùng tích lũy lại do đó nhà đầu tư dài hạn không cần quá lo ngại, nếu cơ cấu tốt từ đầu sóng theo khuyến nghị của chúng tôi thì có thể tiếp tục nắm giữ danh mục chờ thị trường ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

31/10/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
PHR	41.80	46-48	57-59	43	6.4	-13.4%	-0.3%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	16.00	18.5-20	24-25	17.5	14.5	25.4%	37.2%	Theo dõi chờ giải ngân
KBC	25.50	28-29.5	34-35	27	13.5	491.3%	368.1%	Theo dõi chờ giải ngân
PLC	25.60	26-28	31-32	25	19.9	7.7%	-24.3%	Theo dõi chờ giải ngân
CSV	33.30	30-33	45-46	28	7.2	-29.0%	-52.5%	Theo dõi chờ giải ngân
NT2	22.65	20.5-21.5	26-27	19	15.7	-62.4%	-162.2%	Theo dõi chờ giải ngân
DCM	27.00	25-27	30-31	22	8.9	-9.0%	-89.9%	Theo dõi chờ giải ngân
DTD	18.20	20-22	27-29	19	4.5	-46.7%	-46.6%	Theo dõi chờ giải ngân
PVS	33.00	30-32	36-37	29	17.9	19.2%	-26.6%	Theo dõi chờ giải ngân
GMD	59.00	52-54	62-64	50	7.8	-6.7%	471.7%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	27.90	26-28	31-33	24	6.0	-34.2%	-59.4%	Theo dõi chờ giải ngân
BVS	21.60	19.5-21.5	26-27	19	8.5	40.2%	-4.1%	Theo dõi chờ giải ngân
VSC	23.50	20.5-22	26-27	19	23.2	9.8%	-59.6%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/2023	DPR	29.5	25.9	35-37	30	13.9%	Nắm giữ



TIN VÍ MÔ

Cách "vạch đích" 222.000 tỷ đồng, áp lực thu ngân sách dồn về cuối năm

Từ nay đến hết năm, cả nước phải thu thêm 222.000 tỷ đồng để hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước được giao, trong khi cả ba khoản thu chính đều tụt dốc... Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, tổng thu ngân sách nhà nước tháng 10/2023 ước đạt 169,5 nghìn tỷ đồng, cao gần gấp đôi nhiều tháng trước đó, khi tháng 9 chỉ thu đạt 89,6 nghìn tỷ đồng và tháng 8 với 88,1 nghìn tỷ đồng. Dù vậy, lũy kế 10 tháng năm 2023, tổng thu ngân sách nhà nước mới đạt 1.398,7 nghìn tỷ đồng, bằng 86,3% dự toán năm và giảm 9,2% so với cùng kỳ năm trước.

Giá xăng dầu sẽ được điều chỉnh hàng tuần

Theo dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 95/2021/NĐ-CP và Nghị định 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu vừa được Bộ Công thương hoàn thiện trình Chính phủ sau tiếp thu ý kiến các bộ, ngành. Theo đó, thời gian điều chỉnh giữa hai đợt thay đổi giá bán lẻ sẽ được rút ngắn xuống còn 7 ngày và cố định vào thứ Năm hàng tuần. Trường hợp thứ Năm trùng vào ngày cuối cùng của năm Âm lịch (29 hoặc 30 Tết Nguyên đán), lịch điều hành giá thực hiện vào ngày thứ 4 liền kề trước đó. Nếu thứ Năm trùng vào ngày mùng 1, 2 hoặc 3 Tết, thời gian điều hành giá xăng dầu được thực hiện vào ngày mùng 4 Tết.

Quốc hội thảo luận về kinh tế - xã hội, Luật Kinh doanh bất động sản

Trong phiên làm việc ngày 31.10, Quốc hội tiến hành thảo luận về một số nội dung còn ý kiến khác nhau của dự thảo Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi); thảo luận về phát triển kinh tế - xã hội. Cơ quan trình và cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp giải trình, làm rõ một số vấn đề đại biểu Quốc hội nêu. Chiều cùng ngày, Quốc hội thảo luận ở hội trường về đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Đánh giá giữa nhiệm kỳ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021-2025; Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025.

Ngân hàng Thế giới: Giá dầu có thể vượt 150 USD/thùng nếu chiến tranh Gaza leo thang

Trong kịch bản xấu nhất mà WB đưa ra, nguồn cung dầu toàn cầu có thể giảm 6-8 triệu thùng/ngày, đẩy giá dầu tăng lên khoảng từ 140-157 USD/thùng... Giá dầu thô có thể tăng vượt qua ngưỡng 150 USD/thùng nếu xung đột ở Trung Đông leo thang - Ngân hàng Thế giới (WB) cảnh báo ngày 30/10. Một tình huống như vậy sẽ đặt ra nguy cơ lặp lại cú sốc dầu lửa của những năm 1970 nếu các quốc gia sản xuất dầu lớn trong khu vực cắt giảm nguồn cung năng lượng này.



TIN DOANH NGHIỆP

Sacombank (STB) đạt hơn 6.840 tỷ đồng lợi nhuận sau 9 tháng, tăng 54% so cùng kỳ

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank, mã STB) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2023, lãi trước thuế 9 tháng đầu năm 2023 tăng trưởng 54% so với cùng kỳ, nhờ tăng mạnh nguồn thu chính và giảm trích lập dự phòng. Cụ thể, 9 tháng đầu năm 2023, hoạt động chính tăng trưởng mạnh 48% so với cùng kỳ, ghi nhận hơn 16.439 tỷ đồng thu nhập lãi thuần. Ngược lại, nguồn thu ngoài lãi giảm. Lãi từ dịch vụ giảm 53%, lãi từ hoạt động khác giảm 94%. Còn lãi từ kinh doanh ngoại hối tăng 6%, hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư chuyển từ lỗ sang lãi.

EVNGENCO3 (PGV): Tổng doanh thu của công ty mẹ đạt 35.099 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2023

Lũy kế 9 tháng năm 2023, tổng doanh thu của công ty mẹ EVNGENCO3 là 35.099 tỷ đồng đạt 72,4% kế hoạch năm. Theo báo cáo tài chính vừa công bố, Tổng công ty Phát điện 3 (EVNGENCO3, mã chứng khoán PGV - sàn HoSE) đạt 35.099 tỷ đồng doanh thu trong 9 tháng đầu năm, đạt 72,4% kế hoạch năm. Sau 9 tháng, tỷ suất lợi nhuận gộp của Công ty mẹ đạt 11,54% và thu về 1.472 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, hoàn thành được 60% kế hoạch đã được thông qua tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2023.

Thế giới Di động (MWG): Lợi nhuận 9 tháng đầu năm 2023 giảm 97,8%, đạt 77,5 tỷ đồng

CTCP Đầu tư Thế giới Di động (mã MWG - sàn HoSE) ghi nhận lãi 38,82 tỷ đồng trong quý III, lũy kế 9 tháng đầu năm 2023 ghi nhận lãi 77,51 tỷ đồng, giảm 97,8% so với cùng kỳ. Trong quý III/2023, Công ty Thế giới Di động ghi nhận doanh thu đạt 30.287,7 tỷ đồng, giảm 5,4% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế đạt 38,82 tỷ đồng, giảm 95,7% so với cùng kỳ. Trong đó, biên lợi nhuận gộp giảm từ 23,1%, về 15,3% và biên lợi nhuận ròng giảm từ 2,83%, về 0,13%. Được biết, nếu tính theo quý, trong giai đoạn bình thường biên lợi nhuận ròng của Công ty Thế giới Di động từ khoảng 3% đến 4%.

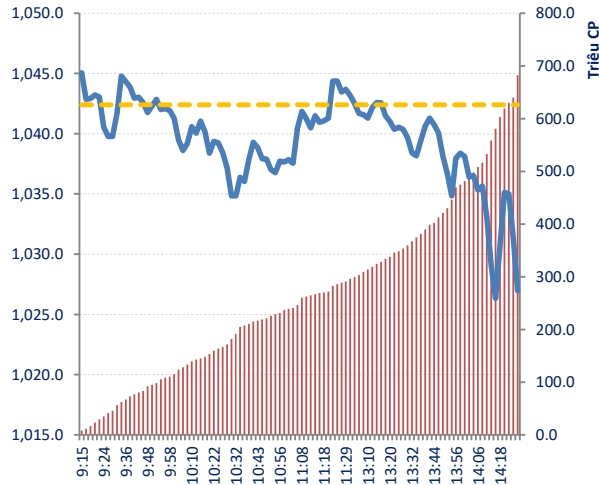
Lộc Trời lỗ kỷ lục hơn 327 tỷ trong quý 3

Nhu cầu lương thực tăng mạnh giúp hoạt động xuất khẩu gạo Việt Nam đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Tuy nhiên, chi phí lãi vay tăng mạnh đã khiến CTCP Tập đoàn Lộc Trời (UPCoM: LTG) lỗ kỷ lục hơn 327 tỷ đồng trong quý 3/2023. Kết quả tiêu cực này gần như phá sạch thành quả nửa đầu năm Công ty đạt được. Quý 3/2023, Lộc Trời ghi nhận doanh thu thuần hơn 4,461 tỷ đồng, tăng 63% so với cùng kỳ. Nhưng giá vốn tăng mạnh hơn, kéo lãi gộp giảm 69% còn 152 tỷ đồng, biên lãi gộp giảm mạnh từ mức 18% cùng kỳ về 3%. Kết quả, Lộc Trời lỗ ròng 327 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lãi 64 tỷ đồng. Đây là khoản lỗ kỷ lục mà doanh nghiệp này từng ghi nhận trong một quý. Đáng nói, quý 2 liền trước, Công ty còn báo lãi 426 tỷ đồng - mức cao nhất lịch sử hoạt động.

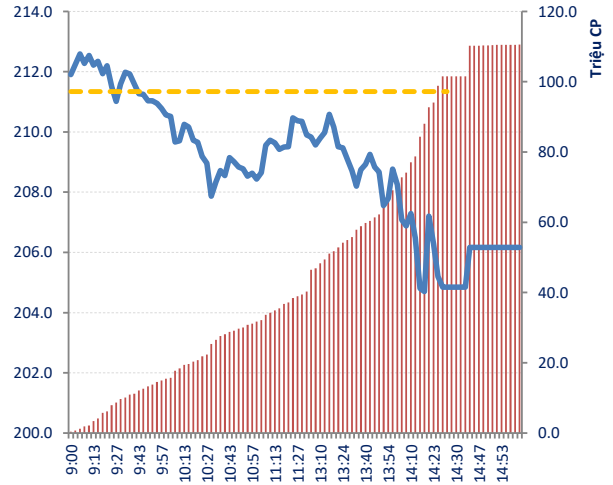


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

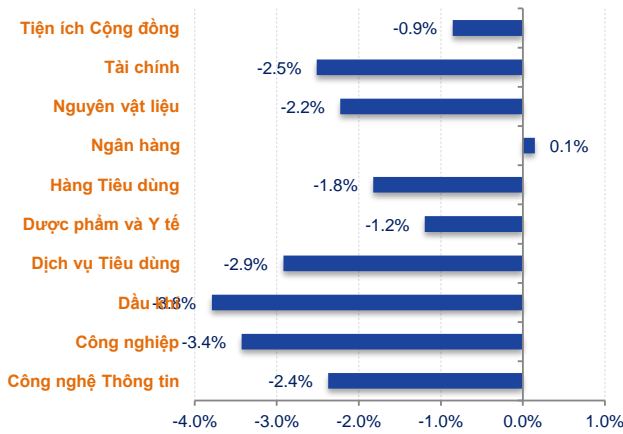
KLGD và VN-Index trong phiên



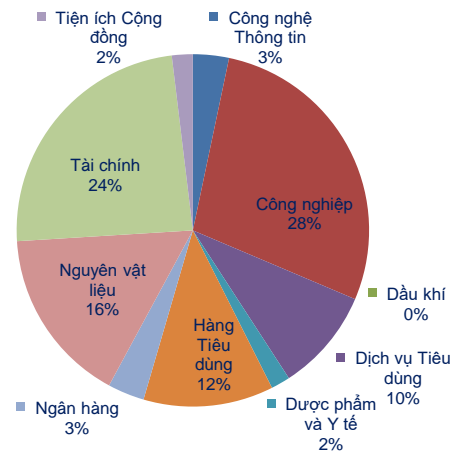
KLGD và HNX-Index trong phiên



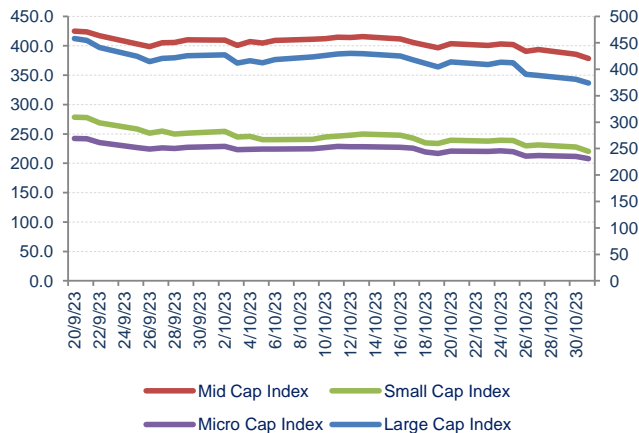
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



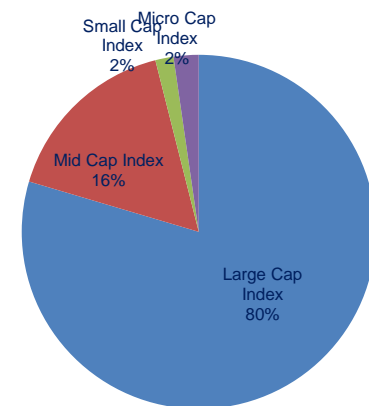
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	4,080,041	VHM	6,619,172	1	PVS	1,226,200	SHS	974,360
2	VIX	2,923,138	MWG	2,046,559	2	IDC	485,790	VIG	54,600
3	PVD	2,199,862	STB	1,762,500	3	TNG	354,500	BVS	30,700
4	DCM	1,908,220	HDB	1,446,300	4	MBS	215,600	VCS	18,600
5	VND	1,845,830	POW	904,510	5	HUT	158,200	NVB	9,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SSI	27.50	25.75	↓ -6.36%	36,495,600	SHS	13.80	12.90	↓ -6.52%	34,571,425
VIX	12.65	12.05	↓ -4.74%	36,020,400	CEO	19.60	19.70	↑ 0.51%	14,236,635
STB	27.00	27.00	→ 0.00%	27,998,300	PVS	35.00	33.00	↓ -5.71%	10,876,181
VND	17.30	16.30	↓ -5.78%	27,709,100	HUT	17.50	16.60	↓ -5.14%	8,042,439
DIG	20.25	20.20	↓ -0.25%	24,285,600	EVS	7.00	6.70	↓ -4.29%	5,935,354

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PNC	8.73	9.34	0.61	↑ 6.99%	WCS	162.00	178.20	16.20	↑ 10.00%
PDN	93.10	99.50	6.40	↑ 6.87%	BST	13.10	14.40	1.30	↑ 9.92%
DLG	1.90	2.03	0.13	↑ 6.84%	TKG	7.40	8.10	0.70	↑ 9.46%
SPM	11.30	12.05	0.75	↑ 6.64%	L62	3.20	3.50	0.30	↑ 9.38%
DBT	11.50	12.20	0.70	↑ 6.09%	HCT	7.70	8.40	0.70	↑ 9.09%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CLW	29.65	27.25	-2.40	↓ -8.09%	VC6	17.00	15.30	-1.70	↓ -10.00%
HAH	30.00	27.90	-2.10	↓ -7.00%	C69	7.00	6.30	-0.70	↓ -10.00%
IDI	10.15	9.44	-0.71	↓ -7.00%	CMS	19.10	17.20	-1.90	↓ -9.95%
VCI	35.05	32.60	-2.45	↓ -6.99%	TTH	4.10	3.70	-0.40	↓ -9.76%
HQC	3.15	2.93	-0.22	↓ -6.98%	PTD	6.20	5.60	-0.60	↓ -9.68%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	36,495,600	8.9%	1,346	20.4	1.8
VIX	36,020,400	8.2%	1,005	12.6	1.0
STB	27,998,300	17.5%	3,825	7.1	1.2
VND	27,709,100	3.9%	467	37.1	1.4
DIG	24,285,600	1.4%	182	111.4	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	34,571,425	5.4%	643	21.5	1.1
CEO	14,236,635	7.7%	864	22.7	1.3
PVS	10,876,181	6.7%	1,846	19.0	1.2
HUT	8,042,439	1.3%	115	152.4	1.6
EVS	5,935,354	5.9%	688	10.2	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PNC	↑ 7.0%	9.5%	1,496	5.8	0.6
PDN	↑ 6.9%	28.7%	6,898	13.5	3.6
DLG	↑ 6.8%	-35.6%	(1,666)	-	0.5
SPM	↑ 6.6%	2.4%	1,378	8.2	0.2
DBT	↑ 6.1%	8.2%	1,187	9.7	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
WCS	↑ 10.0%	30.5%	25,792	6.3	1.7
BST	↑ 9.9%	14.2%	1,895	6.9	0.9
TKG	↑ 9.5%	2.0%	205	36.1	0.7
L62	↑ 9.4%	-98.2%	(6,412)	-	2.2
HCT	↑ 9.1%	-0.5%	(101)	-	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	4,080,041	1.9%	322	71.5	1.3
VIX	2,923,138	8.2%	1,005	12.6	1.0
PVD	2,199,862	3.0%	779	31.5	0.9
DCM	1,908,220	15.3%	3,050	8.9	1.5
VND	1,845,830	3.9%	467	37.1	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	1,226,200	6.7%	1,846	19.0	1.2
IDC	485,790	17.0%	3,177	13.8	2.6
TNG	354,500	13.4%	1,776	10.1	1.1
MBS	215,600	10.4%	1,104	15.6	1.5
HUT	158,200	1.3%	115	152.4	1.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	480,103	22.6%	6,013	14.3	3.0
BID	207,399	19.0%	4,025	10.2	1.8
GAS	175,930	20.3%	5,567	13.8	2.2
VHM	170,691	25.0%	9,468	4.1	0.9
VIC	158,278	2.7%	977	42.5	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	16,729	6.7%	1,846	19.0	1.2
HUT	15,619	1.3%	115	152.4	1.6
IDC	14,454	17.0%	3,177	13.8	2.6
THD	13,744	2.9%	458	77.9	2.1
KSF	12,000	2.4%	539	74.2	1.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PIT	3.04	-0.6%	(47)	-	0.9
QCG	3.00	-0.4%	(63)	-	0.6
VIX	2.59	8.2%	1,005	12.6	1.0
GEX	2.59	1.6%	385	48.2	0.7
VPG	2.55	-0.5%	(97)	-	0.7

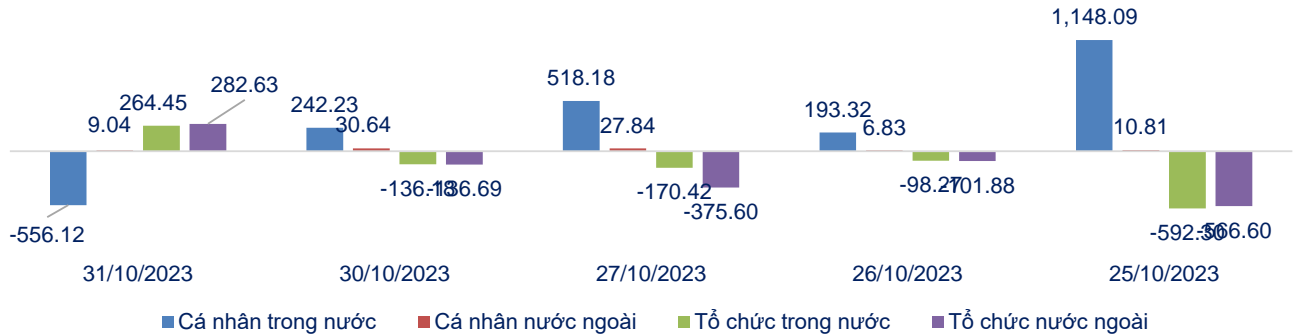
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.93	6.2%	682	23.2	1.4
HUT	2.57	1.3%	115	152.4	1.6
VC2	2.56	2.2%	306	28.5	0.7
EVS	2.36	5.9%	688	10.2	0.6
HBS	2.31	4.0%	487	14.0	0.5



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	288.19	25.0%	9,468	4.1	0.9
STB	86.76	17.5%	3,825	7.1	1.2
MWG	57.08	6.6%	1,069	37.9	2.6
MSN	32.17	2.2%	572	101.4	2.2
HHV	19.95	3.6%	954	13.7	0.5

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-120.57	1.9%	322	71.5	1.3
DGC	-65.00	29.7%	9,010	9.0	2.5
PVD	-59.81	3.0%	779	31.5	0.9
FRT	-55.54	-2.3%	(327)	-	6.6
DCM	-52.40	15.3%	3,050	8.9	1.5

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVT	2.24	11.4%	2,926	8.0	0.9
VPB	2.02	9.7%	1,524	13.1	1.1
TPB	1.66	17.0%	2,483	6.4	1.1
PHR	1.08	24.9%	6,543	6.7	1.6
SSI	1.04	8.9%	1,346	20.4	1.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-3.64	2.7%	977	42.5	1.1
STB	-1.19	17.5%	3,825	7.1	1.2
DIG	-0.96	1.4%	182	111.4	1.6
FRT	-0.73	-2.3%	(327)	-	6.6
PDR	-0.64	1.6%	200	112.3	1.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	48.11	22.3%	4,815	17.7	3.8
VSC	34.21	4.3%	1,011	24.5	1.0
ACB	27.89	23.8%	3,839	5.5	1.2
HPG	26.63	1.9%	322	71.5	1.3
VCB	22.53	22.6%	6,013	14.3	3.0

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-39.15	17.5%	3,825	7.1	1.2
DXG	-26.62	-1.4%	(317)	-	0.7
DIG	-25.84	1.4%	182	111.4	1.6
HHV	-25.83	3.6%	954	13.7	0.5
VIX	-20.93	8.2%	1,005	12.6	1.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	93.59	1.9%	322	71.5	1.3
PVD	51.53	3.0%	779	31.5	0.9
DCM	50.99	15.3%	3,050	8.9	1.5
FRT	50.54	-2.3%	(327)	-	6.6
DGC	46.27	29.7%	9,010	9.0	2.5

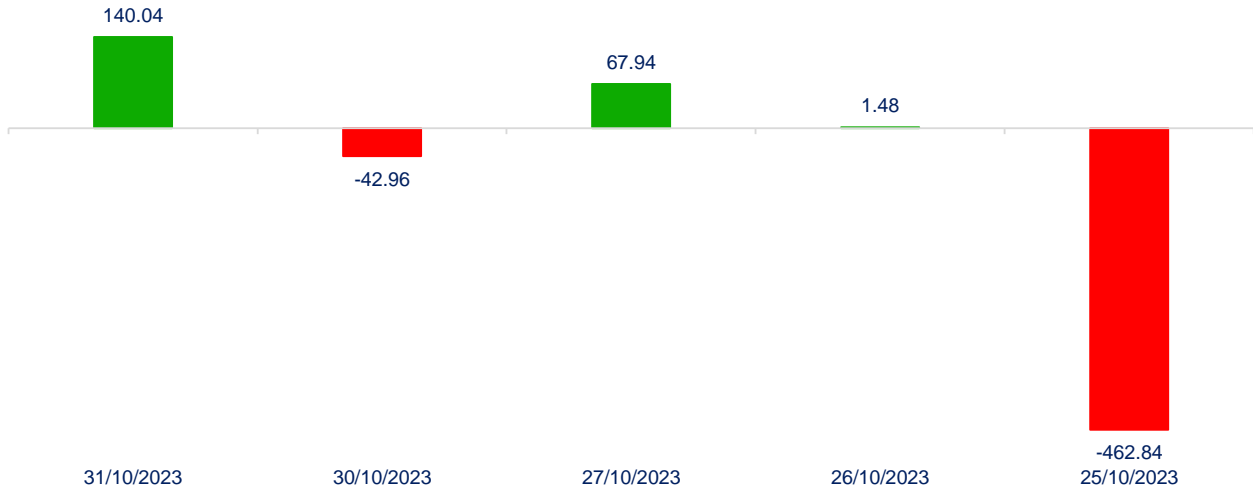
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-274.33	25.0%	9,468	4.1	0.9
MWG	-78.84	6.6%	1,069	37.9	2.6
STB	-46.42	17.5%	3,825	7.1	1.2
MSN	-42.55	2.2%	572	101.4	2.2
HDB	-25.37	20.7%	2,926	5.9	1.2

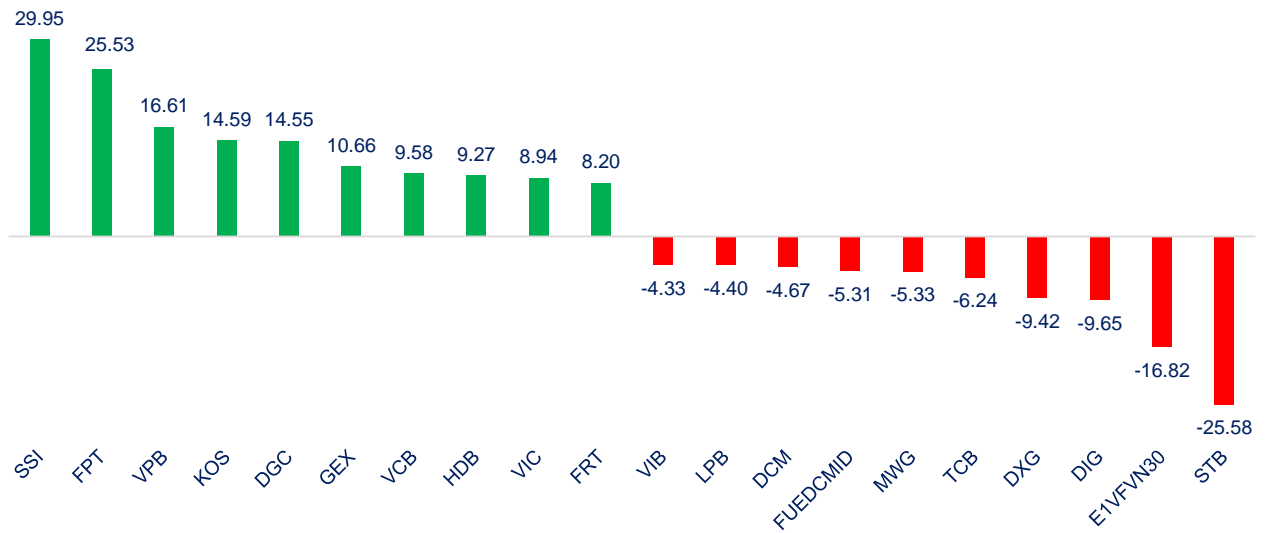


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn